

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất là lần thứ 20 ngày 19 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08. 35120026
- Fax : 08. 35120025

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trong năm 2016, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Ông Lê Quang Định	Chủ tịch	19 tháng 01 năm 2013	28 tháng 03 năm 2016
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch	28 tháng 03 năm 2016	-
Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên	06 tháng 05 năm 2013	-
Bà Tăng Thị Thu Lý	Thành viên	06 tháng 05 năm 2013	04 tháng 04 năm 2016
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	24 tháng 03 năm 2015	-
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	28 tháng 03 năm 2016	-
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	09 tháng 04 năm 2016	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Trưởng ban	06 tháng 05 năm 2013	09 tháng 04 năm 2016
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	09 tháng 04 năm 2016	-
Bà Đặng Thị Phương Loan	Thành viên	06 tháng 05 năm 2013	09 tháng 04 năm 2016
Bà Lê Thị Mỹ Chi	Thành viên	09 tháng 04 năm 2016	-
Bà Nguyễn Thị Hồng	Thành viên	09 tháng 04 năm 2016	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06 tháng 05 năm 2013	-
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2013	-
Bà Chu Thị Ngọc Huyền	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	19 tháng 01 năm 2013	-

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06 tháng 05 năm 2013

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông ĐỖ TIẾN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2017

Số : 096/2017/BCKT-HCM.00561

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 03 năm 2017, từ trang 5 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2017

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		642.361.191.399	360.904.643.316
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.021.135.292	22.112.123.400
Tiền	111		29.021.135.292	22.112.123.400
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		208.652.312.757	73.874.413.631
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	189.813.330.442	58.293.293.403
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	19.156.468.495	14.252.621.051
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	813.633.475	2.564.029.087
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.131.119.655)	(2.135.529.910)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	386.703.037.583	251.604.809.801
Hàng tồn kho	141		386.703.037.583	251.604.809.801
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.984.705.767	13.313.296.484
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	817.866.890	811.291.395
Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.581.063.925	11.910.946.721
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	585.774.952	591.058.368
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		224.148.378.829	81.461.945.340
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.000.000	8.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	8.000.000	8.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		120.432.786.404	67.309.874.500
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	104.813.925.315	55.663.457.700
Nguyên giá	222		139.538.177.467	84.157.124.926
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.724.252.152)	(28.493.667.226)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	15.618.861.089	11.646.416.800
Nguyên giá	228		16.128.960.569	12.156.516.280
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(510.099.480)	(510.099.480)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.719.164.271	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	2.719.164.271	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	96.323.405.480	9.447.925.969
Đầu tư vào công ty con	251		116.956.709.500	22.461.150.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(20.633.304.020)	(13.013.224.031)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.665.022.674	4.696.144.871
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	4.665.022.674	4.696.144.871
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		866.509.570.228	442.366.588.656

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		565.131.485.526	309.375.199.039
Nợ ngắn hạn	310		565.131.485.526	309.375.199.039
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	145.731.846.687	125.883.403.592
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	50.826.374.683	20.495.448.710
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	4.437.617.882	4.089.642.752
Phải trả người lao động	314		8.647.153.871	6.350.524.780
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.563.060.511	3.553.900.287
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	2.093.204.811	1.807.186.704
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	350.832.227.081	147.195.092.214
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		301.378.084.702	132.991.389.617
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	301.378.084.702	132.991.389.617
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		142.315.340.000	111.161.690.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		142.315.340.000	111.161.690.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		63.704.711.919	635.620.600
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.686.192.796	4.309.221.242
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.671.839.987	16.884.857.775
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		13.507.886.221	(11.205.238.864)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		74.163.953.766	28.090.096.639
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		866.509.570.228	442.366.588.656


NGUYỄN ĐĂNG NGỌC LAM
 Người lập biểu


CHU THỊ NGỌC HUYỀN
 Giám đốc Tài chính
 kiêm Kế toán trưởng

ĐỖ TIẾN DŨNG
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.865.031.805.457	1.811.598.238.323
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	140.262.143
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2.865.031.805.457	1.811.457.976.180
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.767.182.191.429	1.760.199.009.956
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97.849.614.028	51.258.966.224
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	248.191.236	165.025.065
Chi phí tài chính	22	6.4	18.924.472.651	8.159.555.829
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		12.072.898.978	5.176.000.709
Chi phí bán hàng	25	6.5	57.768.097.149	34.511.815.768
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	19.573.737.296	17.443.462.408
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.831.498.168	(8.690.842.716)
Thu nhập khác	31	6.7	90.405.399.508	45.252.333.459
Chi phí khác	32		186.145.858	256.986.751
Lợi nhuận khác	40		90.219.253.650	44.995.346.708
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.050.751.818	36.304.503.992
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	17.886.798.052	8.214.407.353
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		74.163.953.766	28.090.096.639



NGUYỄN ĐĂNG NGỌC LAM
Người lập biểu



CHU THỊ NGỌC HUYỀN
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng




ĐỖ TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	92.050.751.818	36.304.503.992
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.015.162.738	7.549.361.942
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	6.615.669.734	2.416.164.697
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	04	-	(82.272.850)
Chi phí lãi vay	05	(4.851.856.606)	(1.517.336.315)
Các khoản điều chỉnh khác	06	12.072.898.978	5.176.000.709
	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	119.902.626.662	49.846.422.175
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(139.338.322.659)	(19.007.733.460)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(135.098.267.783)	(142.826.081.554)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	51.660.245.564	80.308.657.962
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	24.546.702	(4.394.832.289)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.171.767.034)	(5.274.117.123)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.329.023.940)	(5.368.371.913)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(132.349.962.488)	(46.716.056.202)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(125.143.122.849)	(68.722.211.235)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	59.889.589.307	37.519.999.997
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	900.000.000	1.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000)	(589.150.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	248.191.236	61.468.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(64.205.342.306)	(30.129.892.570)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(172.818.181)	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.338.220.416.303	655.184.369.388
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.134.583.281.436)	(566.602.888.244)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	203.464.316.686	88.581.481.144
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	6.909.011.892	11.735.532.372
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	22.112.123.400	10.376.591.028
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	29.021.135.292	22.112.123.400

Handwritten signature

Handwritten signature



NGUYỄN ĐĂNG NGỌC LAM
Người lập biểu

CHU THỊ NGỌC HUYỀN
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

ĐỖ TIỀN DŨNG
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất là lần thứ 20 ngày 19 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08. 3 5120 026
- Fax : 08. 3 5120 025

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trong năm 2016, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1.5 Cấu trúc của Công ty**Công ty con**

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	76,20%	76,20%	76,20%
Công ty cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	92,72%	92,72%	92,72%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

1.7 Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 373 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 273 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

304
CỔ
CHỨ
CHỨ
CỔ
/ 7

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm kế toán và chênh lệch đánh giá lại cuối năm kế toán được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí sửa chữa văn phòng, bảo trì phần mềm và công cụ dụng cụ. Chi phí trả trước ngắn hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 12 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ khi phát sinh.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để có được quyền sử dụng đất tại 331K, 331H, 333/4 và 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3004
CÔ
RÁCH
KIẾ
AFC
11

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động, quy chế và quy định về lương thưởng của Công ty.

4.13 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau :

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.15 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn; do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ; do đánh giá lại các công cụ tài chính và các khoản mục tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

S-C
Y
DUH
VN
NAP
CO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.21 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.22 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ đối tượng	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH một thành viên (Samco)	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước (đến ngày 28 tháng 03 năm 2016 không còn là bên liên quan của Công ty).
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty con
Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Công ty con
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	5.006.602.239	3.254.224.346
Tiền gửi ngân hàng – VND	24.014.533.053	18.857.899.054
	29.021.135.292	22.112.123.400

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	226.457.202	121.211.962
Chi nhánh Tổng Công ty CK GTVT Sài Gòn-TNHH MTV-XN Công Nghiệp và Dịch vụ Ô tô	-	710.046.260
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	40.293.054.637	4.585.099.235
Phải khu khách hàng khác	149.293.818.603	52.876.935.946
	189.813.330.442	58.293.293.403

5.3 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	7.843.977.847	8.713.743.123
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	153.631.492	4.608.115.619
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tổng hợp Khang Minh	2.937.215.100	-
Trả trước cho người bán khác	8.221.644.056	930.762.309
	19.156.468.495	14.252.621.051

(*) Đây là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Nhựa Phước Thành theo hợp đồng thuê mặt bằng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05 tháng 7 năm 2010.

3995-C
CÔNG TY
HỮU HẠ
TOÁN
NAM
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ – Lãi cho vay	650.000.000	-	1.139.847.686	(569.923.843)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Văn phòng đại diện – Công ty TNHH Đầu tư AP Việt Nam	-	-	852.900.000	-
Tạm ứng nhân viên	-	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	18.100.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	63.659.880	-	-	-
Các khoản phải thu khác	89.973.595	-	553.181.401	-
	813.633.475		2.564.029.087	(569.923.843)

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu dài hạn khác	8.000.000	-	8.000.000	-
	8.000.000		8.000.000	

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2016		Thời gian quá hạn	01/01/2016	
		Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
Các bên liên quan						
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ Lãi cho vay	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	650.000.000	195.000.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.139.847.686	569.923.843
Phải thu tiền cho vay		-	-	Trên 3 năm	900.000.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác						
Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba Phải thu thương mại	Trên 3 năm	35.045.295	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	35.045.296	10.513.589
Công ty CP ĐT XD PVV Sài Gòn Phải thu thương mại	Trên 3 năm	105.454.400	-	Trên 3 năm	105.454.400	-
Công ty cổ phần Minh Thắng Phải thu thương mại	Trên 3 năm	447.577.960	-	Trên 3 năm	447.577.960	-
Bà Nguyễn Thị Đình Chiến Phải thu thương mại	Trên 3 năm	45.350.000	-	Trên 3 năm	45.350.000	-
Bà Võ Thị Thu Phượng Phải thu thương mại	Trên 3 năm	42.692.000	-	Trên 3 năm	42.692.000	-
		1.326.119.655	195.000.000		2.715.967.342	580.437.432

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu năm	(2.135.529.910)	(634.920.333)
(Trích lập) dự phòng trong năm	(10.513.589)	(1.500.609.577)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.014.923.844	-
Số dư cuối năm	(1.131.119.655)	(2.135.529.910)

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.705.833.446	-	38.100.758.891	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.323.491.095	-	2.006.014.450	-
Hàng hóa (*)	340.673.713.042	-	211.498.036.460	-
Cộng	386.703.037.583	-	251.604.809.801	-

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị ghi sổ của hàng hóa được dùng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng là 326.583.856.885 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 132.695.028.213 VND).

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	202.736.349	344.925.406
Công cụ dụng cụ	424.558.207	407.699.322
Phí bảo hiểm cháy nổ	121.041.667	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	69.530.667	58.666.667
	817.866.890	811.291.395

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.554.303.075	1.096.377.397
Công cụ, dụng cụ	2.903.719.599	3.545.427.474
Chi phí thuê server FPT	207.000.000	54.340.000
	4.665.022.674	4.696.144.871

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2016	32.269.513.000	14.211.700.964	34.373.160.864	1.556.941.758	1.745.808.340	84.157.124.926
Tăng trong năm	7.196.340.169	2.141.677.500	118.630.517.790	620.444.251	288.172.198	128.877.151.908
Giảm do thanh lý	(2.051.035.421)	(188.768.058)	(60.654.724.487)	(59.817.700)	(32.636.364)	(62.986.982.030)
Giảm do hưởng chiết khấu từ Mercedes Benz Việt Nam	-	-	(10.454.007.596)	-	-	(10.454.007.596)
Tăng/(giảm) khác	54.479.360	(221.425.780)	(431.741)	213.855.130	(101.586.710)	(55.109.741)
Vào ngày 31/12/2016	37.469.297.108	15.943.184.626	81.894.514.830	2.331.423.439	1.899.757.464	139.538.177.467
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2016	15.949.359.258	9.272.975.733	1.764.973.039	924.945.161	581.414.035	28.493.667.226
Khấu hao trong năm	3.187.976.428	2.153.118.320	8.107.513.765	371.700.445	194.853.780	14.015.162.738
Giảm do thanh lý	(1.709.208.855)	(169.055.001)	(5.730.340.173)	(59.817.700)	(32.636.364)	(7.701.058.093)
Tăng/(Giảm) khác	184.379.737	(221.474.220)	(28.791.135)	250.343.135	(267.977.235)	(83.519.718)
Phân loại lại	116.452.622	(71.857.305)	-	-	(44.595.317)	-
Vào ngày 31/12/2016	17.728.959.189	10.963.707.527	4.113.355.496	1.487.171.041	431.058.899	34.724.252.152
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2016	16.320.153.742	4.938.725.231	32.608.187.825	631.996.597	1.164.394.305	55.663.457.700
Vào ngày 31/12/2016	19.740.337.919	4.979.477.099	77.781.159.335	844.252.398	1.468.698.565	104.813.925.315
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Vào ngày 01/01/2016	6.963.390.346	2.959.750.076	536.820.338	1.102.025.616	168.160.167	11.730.146.543
Vào ngày 31/12/2016	12.771.206.794	9.068.366.003	536.820.338	1.042.207.916	135.523.803	23.554.124.854

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2016	11.646.416.800	510.099.480	12.156.516.280
Tăng trong năm	-	3.972.444.289	3.972.444.289
Vào ngày 31/12/2016	11.646.416.800	4.482.543.769	16.128.960.569
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2016	-	510.099.480	510.099.480
Vào ngày 31/12/2016	-	510.099.480	510.099.480
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2016	11.646.416.800	-	11.646.416.800
Vào ngày 31/12/2016	11.646.416.800	3.972.444.289	15.618.861.089
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Vào ngày 01/01/2016	-	510.099.480	510.099.480
Vào ngày 31/12/2016	-	510.099.480	510.099.480

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	31/12/2016 VND
Công trình xây dựng nhà xưởng dịch vụ tại 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	-	2.719.164.271	2.719.164.271
	-	2.719.164.271	2.719.164.271

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư vào công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư vào các công ty con	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (*)	22.561.150.000	(12.614.029.788)	(***)	22.461.150.000	(13.013.224.031)	(***)
Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (**)	94.395.559.500	(8.019.274.232)	(***)	-	-	-
	116.956.709.500	(20.633.304.020)		22.461.150.000	(13.013.224.031)	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ lợi ích/ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là 76,20%.

(**) Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM theo tờ trình số 01/2016/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 03 năm 2016 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2016. Theo đó, sau khi hoàn thành phát hành, Công ty đã trở thành công ty mẹ, sở hữu 92,72% vốn góp của Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 92,72%..

(***) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Trong năm 2016, hoạt động chính của Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

Trong năm 2016, hoạt động chính của Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là mua bán xe Ô tô, phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	(10.929.668.911)	-	(10.929.668.911)
Trích lập dự phòng trong năm	(2.083.555.120)	-	(2.083.555.120)
Tại ngày 31/12/2015	(13.013.224.031)	-	(13.013.224.031)
Tại ngày 01/01/2016	(13.013.224.031)	-	(13.013.224.031)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng trong năm	399.194.243	(8.019.274.232)	(7.620.079.989)
Tại ngày 31/12/2016	(12.614.029.788)	(8.019.274.232)	(20.633.304.020)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
Mua hàng và dịch vụ		
Mua hàng và sửa chữa xe	1.279.003.008	447.626.700
Chi phí thuê mặt bằng	927.272.727	736.363.638
Chi phí khác từ tổ chức sự kiện	-	24.500.610
Bán hàng và dịch vụ		
Bán phụ tùng	3.366.502.870	4.687.436.388
Bán dịch vụ khác (phí sử dụng phần mềm, thuê máy móc thiết bị, thuê xe)	246.199.148	40.693.468
Giao dịch khác		
Thu tiền cho vay	900.000.000	1.600.000.000
Thu tiền lãi cho vay	489.847.686	-
Chi khác	15.809.156	-
Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM		
Mua hàng và dịch vụ		
Mua vật tư và nhận dịch vụ	24.700.000	1.633.372.727
Chi phí Lãi vay	608.630.557	840.756.945
Bán hàng và dịch vụ		
Bán vật tư hàng hóa	7.237.500	13.782.200
Giao dịch khác		
Vay tiền	23.500.000.000	12.500.000.000
Chi trả tiền vay	19.500.000.000	9.500.000.000

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Mercedes				
Benz Việt Nam	139.295.275.647	139.295.275.647	118.645.485.423	118.645.485.423
Các nhà cung cấp khác	6.436.571.040	6.436.571.040	7.237.918.169	7.237.918.169
	145.731.846.687	145.731.846.687	125.883.403.592	125.883.403.592

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ ngắn hạn chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe, được chi tiết như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Và Thương Mại BPV Việt Nam	-	3.000.000.000
Các khách hàng khác	50.826.374.683	17.495.448.710
	50.826.374.683	20.495.448.710

5.14 Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng tiêu thụ nội địa		(18.741.677)	-	-	-	(18.741.677)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	132.026.429	(161.136.769)	-	(29.110.340)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	118.652.548	(118.652.548)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.695.773.411	-	17.886.798.052	(17.329.023.940)	4.253.547.523	-
Thuế thu nhập cá nhân	326.022.471	-	1.694.770.729	(1.836.722.841)	184.070.359	-
Tiền thuê đất	-	(572.316.691)	34.393.756	-	-	(537.922.935)
Các loại thuế khác	-	-	2.000.000	(2.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	67.846.870	-	42.494.980	(110.341.850)	-	-
Cộng	4.089.642.752	(591.058.368)	19.911.136.494	(19.557.877.948)	4.437.617.882	(585.774.952)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng hoa hồng môi giới bảo hiểm là 0%, hàng tiêu thụ trong nước như bán xe Ô tô, bán phụ tùng, dịch vụ sửa chữa xe là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.050.751.818	36.304.503.992
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	286.870.479	569.840.728
Thu nhập chịu thuế	92.337.622.297	36.874.344.720
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	92.337.622.297	36.874.344.720
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	18.467.524.459	8.112.355.838
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(580.726.407)	102.051.515
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	17.886.798.052	8.214.407.353

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay	50.000.000	148.868.056
Chi phí vận chuyển	16.381.810	201.275.454
Chi phí đăng ký xe	1.529.758.180	370.983.636
Chi phí thu hồi cho G Class trip	239.494.980	-
Chi phí giá vốn bán xe trích trước	-	2.293.456.783
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	727.425.541	539.316.358
	2.563.060.511	3.553.900.287

5.16 Các khoản phải trả ngắn hạn khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả bên liên quan		
Công ty cổ phần Sản Xuất, Thương Mại và Dịch vụ Ô tô PTM		
Lãi vay phải trả	39.000.000	-
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
Phải trả do chi hộ	10.000.000	15.809.156
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	182.424.300	66.090.760
Bảo hiểm y tế và thất nghiệp	14.647.587	71.493.666
Cổ tức phải trả	86.875.200	86.875.200
Nhận ký quỹ của Công ty Bảo Việt Sài Gòn	200.000.000	200.000.000
Hàng thừa chờ xử lý	-	12.640.835
Phải trả do thu hộ tiền bảo hiểm	1.335.397.954	880.258.481
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	224.859.770	474.018.606
	2.093.204.811	1.807.186.704

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.16.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016.

5.17 Vay ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác:				
Vay ngắn hạn ngân hàng(*)	337.832.227.081	337.832.227.081	132.695.092.214	132.695.092.214
• Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Đa	-	-	5.824.760.799	5.824.760.799
• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	92.985.973.482	92.985.973.482	74.665.977.263	74.665.977.263
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	189.329.709.986	189.329.709.986	52.204.354.152	52.204.354.152
• Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải (HSBC)	8.760.766.700	8.760.766.700	-	-
• Ngân hàng Quốc Tế VIB – Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	46.755.776.913	46.755.776.913	-	-
Vay ngắn hạn bên liên quan(**)	13.000.000.000	13.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
<i>Vay Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM</i>	<i>13.000.000.000</i>	<i>13.000.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>
Vay ngắn hạn của cá nhân	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
	350.832.227.081	350.832.227.081	147.195.092.214	147.195.092.214

(*) Các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng để kinh doanh xe ô tô với lãi suất theo từng thời điểm vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng từ hàng hóa là xe ô tô – xem thêm mục 5.6.

(**) Khoản vay không thế chấp tại Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM theo các hợp đồng vay với lãi suất 6%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2016	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	132.695.092.214	1.314.720.416.303	(1.109.583.281.436)	337.832.227.081
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	9.000.000.000	23.500.000.000	(19.500.000.000)	13.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	5.500.000.000	-	(5.500.000.000)	-
	147.195.092.214	1.338.220.416.303	(1.134.583.281.436)	350.832.227.081

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.18 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước					
Tại ngày 01/01/2015	111.161.690.000	635.620.600	4.309.221.242	(11.205.238.864)	104.901.292.978
Lãi trong năm	-	-	-	28.090.096.639	28.090.096.639
Tại ngày 31/12/2015	111.161.690.000	635.620.600	4.309.221.242	16.884.857.775	132.991.389.617
Năm nay					
Tại ngày 01/01/2016	111.161.690.000	635.620.600	4.309.221.242	16.884.857.775	132.991.389.617
Tăng vốn trong năm (*)	31.153.650.000	-	-	-	31.153.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	63.069.091.319	-	-	63.069.091.319
Lãi trong năm	-	-	-	74.163.953.766	74.163.953.766
Trích lập quỹ	-	-	3.376.971.554	(3.376.971.554)	-
Tại ngày 31/12/2016	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.192.796	87.671.839.987	301.378.084.702

(*) Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “PTM”) theo tờ trình số 01/2016/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 03 năm 2016 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2016. Theo đó, sau khi hoàn thành phát hành, Công ty đã trở thành công ty mẹ của PTM, sở hữu 92,72% vốn góp của PTM.

Chi tiết phương án phát hành như sau:

- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.115.365 cổ phiếu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông của PTM (ngoại trừ cổ đông chính là HAX)
- Tỷ lệ hoán đổi cổ phần: PTM : HAX=10 : 8 (nghĩa là 10 cổ phiếu PTM được đổi 8 cổ phiếu HAX).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 19 tháng 10 năm 2016) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 142.315.340.000 VND.

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên	-	-	36.277.240.000	32,63
Ông Đỗ Tiến Dũng	19.789.540.000	13,91	19.789.540.000	17,80
Bà Vũ Thị Hạnh	18.554.570.000	13,04	7.554.570.000	6,80
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	11.915.380.000	8,37	11.915.380.000	10,72
Ông Hoàng Đức Hùng	8.389.330.000	5,89	-	-
Ông Hoàng Đức Thành	8.092.300.000	5,69	-	-
Cổ đông khác	75.574.220.000	53,10	35.624.960.000	32,05
	142.315.340.000	100,00	111.161.690.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.231.534	11.116.169
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.231.534	11.116.169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.231.534	11.116.169
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.231.534	11.116.169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.231.534	11.116.169
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

5.18.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ là 20% của lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2016.

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê đất tối thiểu phải trả trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn (*) như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	5.097.673.727	5.097.673.727
Từ 1 năm đến 5 năm	10.945.808.545	15.983.081.273
Từ 5 năm	1.449.624.000	1.510.025.000
	17.493.106.272	22.590.780.000

(*) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Theo Thông báo số 9100/TB-CT ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số tiền thuê 2.090 m² đất tại số 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 2.408 VND/m²/tháng từ ngày 16 tháng 5 năm 2015 đến ngày 16 tháng 5 năm 2020. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2000 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046; và

- Công ty đi thuê tại 46 Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê số 1502/2015/LK/IMI-HAXACO ngày 15 tháng 02 năm 2015, thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 với giá thuê như sau:

- + Nhà xưởng trung tâm dịch vụ máy công cụ và sân bãi: 1.500.000.000 VND/năm; và
- + Showroom, văn phòng làm việc: 180.000 USD/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Doanh thu thuần**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu kinh doanh xe	2.684.123.459.411	1.666.231.247.117
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	177.863.645.863	137.038.932.961
Doanh thu hoạt động khác	3.044.700.183	8.328.058.245
	2.865.031.805.457	1.811.598.238.323
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	(140.262.143)
Doanh thu thuần	2.865.031.805.457	1.811.457.976.180

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số 5.11.

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số 5.11. Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn kinh doanh xe	2.603.560.151.014	1.622.892.617.067
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	163.260.825.044	131.786.506.192
Giá vốn hoạt động khác	361.215.371	6.687.886.697
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.168.000.000)
	2.767.182.191.429	1.760.199.009.956

6.3 Doanh thu tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	248.191.236	61.468.668
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	103.556.397
	248.191.236	165.025.065

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	12.072.898.978	5.176.000.709
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty cổ phần cơ khí Ô tô Cần Thơ	(399.194.243)	2.083.555.120
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tiền cho vay của Công ty cổ phần cơ khí Ô tô Cần Thơ	(900.000.000)	900.000.000
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại Dịch vụ Ô tô PTM	8.019.274.232	-
Chi phí tài chính khác	131.493.684	-
	18.924.472.651	8.159.555.829

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	21.725.449.156	13.112.311.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.613.700.404	3.910.599.248
Chi phí thuê kho bãi, mặt bằng, bảng hiệu, thuê khác	9.224.254.531	6.106.159.134
Chi phí bán hàng khác	17.204.693.058	11.382.746.354
	57.768.097.149	34.511.815.768

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.879.783.141	7.735.170.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.163.900.180	1.135.836.294
Chi phí trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu	(104.410.255)	600.609.577
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.634.464.230	7.971.845.609
	19.573.737.296	17.443.462.408

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	4.603.665.370	1.455.867.647
<i>Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>	<i>59.889.589.307</i>	
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý</i>	<i>(55.285.923.937)</i>	
Thu nhập từ tiền thưởng đạt chỉ tiêu bán hàng, chiết khấu và hỗ trợ từ Mercedes Benz Việt Nam	83.205.931.221	43.158.430.196
Thu nhập khác	2.595.802.917	638.035.616
	90.405.399.508	45.252.333.459

6.8 Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí mua hàng hóa là xe và phụ tùng	2.616.466.395.346	1.622.667.617.067
Chi phí nguyên vật liệu	116.836.379.515	104.107.955.371
Chi phí nhân công	49.636.488.660	36.571.650.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.015.162.738	7.549.361.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.027.184.179	14.417.044.260
Chi phí khác	23.859.892.081	25.597.354.064
	2.847.841.502.519	1.810.796.679.779

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tăng vốn chủ sở hữu thông qua phát hành hoán đổi cổ phiếu – <i>xem thêm mục 5.18.1</i>	94.222.741.319	-
	94.222.741.319	-

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.338.220.416.303	655.184.369.388
	1.338.220.416.303	655.184.369.388

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.134.583.281.436	566.602.888.244
	1.134.583.281.436	566.602.888.244

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Phải trả người bán	145.731.846.687	-	145.731.846.687
Chi phí phải trả	2.563.060.511	-	2.563.060.511
Các khoản phải trả khác	1.809.257.724	-	1.809.257.724
Các khoản vay	350.832.227.081	-	350.832.227.081
	500.936.392.003	-	500.936.392.003
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phải trả người bán	125.883.403.592	-	125.883.403.592
Chi phí phải trả	3.553.900.287	-	3.553.900.287
Các khoản phải trả khác	1.570.086.243	-	1.570.086.243
Các khoản vay và nợ	147.195.092.214	-	147.195.092.214
	278.202.482.336	-	278.202.482.336

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng hóa tồn kho là xe ô tô của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.6 và 5.17).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	29.021.135.292	22.112.123.400	29.021.135.292	22.112.123.400
Phải thu khách hàng	189.813.330.442	58.293.293.403	189.137.210.787	57.627.687.336
Các khoản phải thu khác	757.973.595	2.572.029.087	302.973.595	1.102.105.244
	219.592.439.329	82.977.445.890	218.461.319.674	80.841.915.980
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	145.731.846.687	125.883.403.592	145.731.846.687	125.883.403.592
Chi phí phải trả	2.563.060.511	3.553.900.287	2.563.060.511	3.553.900.287
Các khoản phải trả khác	1.809.257.724	1.570.086.243	1.809.257.724	1.570.086.243
Các khoản vay	350.832.227.081	147.195.092.214	350.832.227.081	147.195.092.214
	500.936.392.003	278.202.482.336	500.936.392.003	278.202.482.336

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

v. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính- kiểm toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	2.946.152.000	2.781.000.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số 5.11.

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số 5.11, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.2, 5.4, 5.5, 5.16.1, 5.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

9.2.1 Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

9.2.2 Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau :

- Lĩnh vực kinh doanh xe
- Lĩnh vực dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng và khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực kinh doanh xe VND	Lĩnh vực dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng và khác VND	Cộng VND
Năm 2016			
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.684.123.459.411	180.908.346.046	2.865.031.805.457
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.684.123.459.411	180.908.346.046	2.865.031.805.457
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(2.603.560.151.014)	(163.622.040.415)	(2.767.182.191.429)
Lãi gộp theo bộ phận	80.563.308.397	17.286.305.631	97.849.614.028
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	(54.120.413.068)	(3.647.684.081)	(57.768.097.149)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh theo bộ phận	26.442.895.329	13.638.621.550	40.081.516.879
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(19.573.737.296)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			20.507.779.583
Doanh thu hoạt động tài chính			248.191.236
Chi phí tài chính			(18.924.472.651)
Thu nhập khác			90.405.399.508
Chi phí khác			(186.145.858)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(17.886.798.052)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			74.163.953.766

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Lĩnh vực kinh doanh xe VND	Lĩnh vực dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng và khác VND	Cộng VND
<i>Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)</i>			
Năm 2015			
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.666.231.247.117	145.226.729.063	1.811.457.976.180
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.666.231.247.117	145.226.729.063	1.811.457.976.180
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(1.622.667.617.067)	(137.531.392.889)	(1.760.199.009.956)
Lãi gộp theo bộ phận	43.563.630.050	7.695.336.174	51.258.966.224
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	(31.744.962.667)	(2.766.853.101)	(34.511.815.768)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh theo bộ phận	11.818.667.383	4.928.483.073	16.747.150.456
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(17.443.462.408)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(696.311.952)
Doanh thu hoạt động tài chính			165.025.065
Chi phí tài chính			(8.159.555.829)
Thu nhập khác			45.252.333.459
Chi phí khác			(256.986.751)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.214.407.353)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			28.090.096.639

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016


Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:


	Kinh doanh xe VND	Dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng, khác VND	Cộng VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	574.505.958.776	131.429.942.977	705.935.901.753
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	160.573.668.475
Tổng tài sản	574.505.958.776	131.429.942.977	866.509.570.228
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	516.984.054.184	31.936.152.447	548.920.206.631
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	16.211.278.895
Tổng nợ phải trả	516.984.054.184	31.936.152.447	565.131.485.526
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	307.564.878.150	58.920.512.326	366.485.390.476
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	75.881.198.180
Tổng tài sản	307.564.878.150	58.920.512.326	442.366.588.656
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	275.582.613.038	20.804.639.953	296.387.252.991
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	12.987.946.048
Tổng nợ phải trả	275.582.613.038	20.804.639.953	309.375.199.039

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.


NGUYỄN ĐĂNG NGỌC LAM
 Người lập


CHU THỊ NGỌC HUYỀN
 Giám đốc Tài chính
 kiêm Kế toán trưởng


ĐỖ TIẾN DŨNG
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2017

